

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST.

Ngày: 03 - 01 - 2024.

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc Đan T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số nhà 12, Đường C, Khóm B, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số nhà 12, Đường C, Khóm B, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số nhà 26, đường T, Khóm M, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Lê Hữu P, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2023 cùng các lần hòa giải tiếp theo

và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị T và anh P là bạn bè với nhau, do nhu cầu cần tiền để mở đại lý vé số, mua xe, trả nợ, mua quạt hơi nước tủ lạnh kinh doanh nên anh P đã nhiều lần vay tiền của chị T, cụ thể như sau: Ngày 08/4/2022 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, anh P đã trả được 12.000.000 đồng (thời gian trả từ ngày 08/5/2022 đến ngày 08/4/2023); ngày 24/6/2022 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, anh P không có trả tiền lãi; ngày 30/7/2022 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, anh P đã trả được 8.000.000 đồng (thời gian trả từ ngày 30/8/2022 đến ngày 30/3/2023); ngày 18/3/2023 vay 130.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, anh P không trả tiền lãi; ngày 11/4/2023 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, anh P không có trả tiền lãi; ngày 14/4/2023 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, anh P không có trả tiền lãi.

Việc vay tiền anh P có viết biên nhận và ký tên, thời gian trả tiền là chị T báo trước cho anh P 01 tháng, anh P đã nhận đủ số tiền theo các biên nhận vay tiền. Tuy nhiên anh P đã không trả tiền lãi theo thỏa thuận, tiền vốn vay thì không có trả khoản nào, chị T đã nhiều lần yêu cầu anh P trả tiền vốn vay nhưng anh P không trả.

Đối với số tiền lãi anh P còn nợ chị T theo các biên nhận, đến trước ngày 18/4/2023 chị T không yêu cầu anh P trả lãi, chị T chỉ yêu cầu anh P trả tiền lãi cho chị T từ ngày chị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là ngày 18/4/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,66%/tháng của tổng số tiền vốn vay là 305.000.000 đồng.

Nay chị T yêu cầu anh P trả nợ của các biên nhận ngày 08/4/2022, 24/6/2022, 30/7/2022, 18/3/2023, 11/4/2023, 14/4/2023 là 305.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/6/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 14/7/2023 là 25.315.000 đồng.

Bị đơn trình bày: Anh P có vay tiền của chị T nhiều lần với số tiền 305.000.000 đồng, cụ thể như sau ngày 08/4/2022 vay 50.000.000 đồng; ngày 24/6/2022 vay 30.000.000 đồng; ngày 30/7/2022 vay 20.000.000 đồng; ngày 18/3/2023 vay 130.000.000 đồng; ngày 11/4/2023 vay 60.000.000 đồng; ngày 14/4/2023 vay 15.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận của chị T và anh P là 13%/tháng đến 15%/tháng. Anh P vay tiền của chị T sử dụng vào mục đích kinh doanh cá nhân. Khi vay tiền thì anh P có viết biên nhận và ký tên, anh P đã trả được tiền lãi là 141.250.000 đồng, trong đó trả tiền mặt tại nhà cho chị T là 32.000.000 đồng và trả tiền thông qua tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam cho chị T qua số tài khoản 73010000443174 là 109.250.000 đồng. Nay anh P đồng ý trả cho chị T số tiền vốn vay của các biên nhận ngày 08/4/2022 vay 50.000.000 đồng; ngày 24/6/2022 vay 30.000.000 đồng; ngày 30/7/2022 vay 20.000.000 đồng; ngày 18/3/2023 vay 130.000.000 đồng; ngày 11/4/2023 vay 60.000.000 đồng; ngày 14/4/2023 vay 15.000.000 đồng bằng 305.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính theo từng biên nhận vay cụ thể trừ đi số tiền lãi anh P đã trả cho chị T là 141.250.000 đồng. Anh P

sẽ trả tiền lãi cho chị T từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Ngọc Đan T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Tấn P trả nợ gốc, lãi theo các biên nhận vay tiền mà anh P đã ký, anh P có nơi cư trú tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật được xác định “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì hiện nay anh P còn nợ tiền vay của chị T qua các biên nhận ngày 08/4/2022, 24/6/2022, 30/7/2022, 18/3/2023, 11/4/2023, 14/4/2023 bằng số tiền 305.000.000 đồng là sự thật, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Nên việc chị T kiện đòi anh P trả số tiền nêu trên là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với tiền lãi suất, nguyên đơn cho rằng, bị đơn đã trả được 12.000.000 đồng của biên nhận ngày 08/4/2022 khoản vay 50.000.000 đồng và 8.000.000 đồng của Biên nhận ngày 30/7/2022 khoản vay 20.000.000 đồng; còn bị đơn cho rằng đã trả lãi được số tiền 141.250.000 đồng qua tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, lời trình bày của bị đơn là không đủ căn cứ, bởi các lần chuyển tiền đều không có nội dung thể hiện trả tiền lãi và bị đơn không có chứng cứ nào khác, nên không có căn cứ chấp nhận; nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 18/4/2023 đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận và hai bên có tranh chấp về lãi suất, nên lãi suất sẽ được tính 0,83% tháng và được tính như sau: Số tiền 305.000.000 đồng x 0,83% x 260 ngày/₃₆₅ (từ ngày 18/4/2023 đến 03/01/2024) = 21.726.000 đồng.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải nộp 16.336.000 đồng (321.963.000 đồng x 5% = 16.336.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc Đan T. Buộc anh Nguyễn Tấn P có trách nhiệm trả cho chị T các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc: 305.000.000 đồng (*ba trăm lẻ năm triệu đồng*);

- Tiền lãi: 21.726.000 đồng (*hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn đồng*);

Tổng cộng bằng 326.726.000 đồng (*ba trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn Tấn P nộp 16.336.000 đồng (*mười sáu triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Võ Ngọc Đan T không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 7.625.000 đồng (*bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0002281 ngày 01/8/2023 được hoàn trả lại cho chị T.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng**